TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DK** **TỈNH KHÁNH HÒA** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 71/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 12 năm 2018
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DK - TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Vinh
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thái Thị Đang
Ông Trần Trực
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Đình Vân Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dk - Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dk tham gia phiên tòa***: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 351/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/9/2018 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/11/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03/12/2018 và Thông báo dời ngày xét xử số: 351/2018/TB-TA ngày 11/12/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T - sinh năm 1986
Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện Dk, tỉnh Khánh Hòa.
Chị T có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Trần Thanh - sinh năm 1986
Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện Dk, tỉnh Khánh Hòa.
Anh M vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/8/2018, biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2018 và quá trình giải vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: chị và anh Trần Thanh M tự nguyện yêu thương nhau, chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã T năm 2008. Giai đoạn đầu cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng hạnh phúc. Năm 2016, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M không có sự chia sẻ, chăm sóc, quan M đến gia đình, cả hai luôn bất đồng quan điểm sống, dẫn đến kình cãi thường xuyên, gây tổn thương cho nhau, tình cảm giữa vợ chồng ngày càng áp lực, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Chị đã nhiều lần tạo cơ hội cho anh M nhưng vẫn không thể hòa hợp, vì anh M không còn quan M đến chị, khoảng cách giữa vợ chồng ngày càng lớn, nên chị đã về nhà mẹ ruột sinh sống, không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Chị xác định không còn tình cảm yêu thương, quan M chăm sóc đến anh M nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Thanh M.

Về con chung: chị và anh M có 01 con chung là Trần Phương N - sinh ngày 22/10/2009, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: chị xác định giữa chị và anh M không có tài sản chung và nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời anh Trần Thanh M đến Tòa án làm việc, nhưng anh M vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản, giấy tờ tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Trần Thanh M; về con chung: có 01 con chung là Trần Phương N- sinh ngày 22/10/2009, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung: không có. Bị đơn anh Trần Thanh M vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dk - Khánh Hòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng. Bị đơn vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T xin ly hôn với anh Trần Thanh M. Về con chung: Giao cháu Thanh cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: chị T xác định giữa chị T và anh M không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: anh Trần Thanh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Thanh M.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trần Thanh M tự nguyện yêu thương nhau về sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã T, đã được cấp theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 26/2008 ngày 30/9/2008 theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị T cho rằng trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M không có sự đồng cảm, chia sẻ, chăm sóc, quan M đến gia đình, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm dẫn thường xuyên kình cãi, gây tổn thương cho nhau, tình cảm giữa vợ chồng ngày càng áp lực, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Chị T và anh M ngày càng có những khoảng cách càng lớn vì cả hai không còn quan M đến nhau. Chị T và anh M không còn chung sống với từ năm 2017 cho đến nay. Do đó, chị T không còn tình cảm với anh M. Anh Trần Thanh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh M không đến Tòa án làm việc. Điều này chứng tỏ, anh M không còn quan M đến cuộc hôn nhân này nên cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh M đã có mâu thuẫn dẫn đến gia đình không có hạnh phúc, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Thanh M.

[3]. Về con chung: Chị T và anh M có 01 con chung Trần Phương N- sinh ngày 22/10/2009. Cháu Thanh có nguyện vọng được ở với chị T và hiện tại chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Thanh. Chị T có yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thanh và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là yêu cầu chính đáng của chị T phù hợp với pháp luật nên cần để chị T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Thanh.

[4]. Về tài sản chung: Chị T xác định giữa chị và anh M không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Chị T xác định giữa chị và anh M không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Thanh M.

[2]. Về con chung: Giao con chung Trần Phương N- sinh ngày 22/10/2009, cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh Trần Thanh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Thanh M có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, chị T, anh M có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[4]. Về án phí: chị Nguyễn Thị Thanh T nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0019001 ngày 04/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Dk - Khánh Hòa; chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quy định chung: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

[5]. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Dk;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Dk;
- UBND xã T (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Kim Vinh